

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI - 07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

PHẦN 1:
Xác định chất/hỗn hợp và Công ty/Cam kết

1.1 Định danh sản phẩm

Tên thương mại: **DEK PRO XF**

UFI: A800-U0RP-S00J-1C50

Số thông số kỹ thuật sản phẩm + Mã sản phẩm:

Đề cập đến DEK Hàng tiêu dùng thương hiệu:

Số bộ phận: 431514/03130225-01 (1 Lít)

Số bộ phận: 431513/03126194-01 (5 Lít)

Số bảng dữ liệu an toàn: **ASM TSDS 006 v2.0 VI - OSHA**

1.2 Các cách sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến cáo không nên:

Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

Ứng dụng của chất/hỗn hợp: **Chất làm sạch / Chất làm sạch**

Không nên sử dụng: Không

1.3 Thông tin chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:

Hệ thống lắp ráp ASM GmbH & Co. KG

Rupert-Mayer-Strasse 44

81379 Munich, nước Đức

Web: <https://psp.smt.asmp.com/en/>

Mail: gsc.printing@asm-smt.com

Bộ phận thông báo:

Điện thoại: +44 1305 208661

1.4 Số điện thoại khẩn cấp:

Điện thoại: 001 (800) 535 5053

Giờ hành chính: Đường dây trợ giúp khẩn cấp 24 giờ

PHẦN 2: Nhận dạng các mối nguy hiểm

2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm theo các quy định CLP.

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 1)

2.2 Các yếu tố nhãn**Ghi nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008**

Vô hiệu.

Biểu đồ cảnh báo nguy cơ

Vô hiệu.

Từ tín hiệu:

Vô hiệu.

Báo cáo nguy hiểm

Vô hiệu.

2.3 Các mối nguy hiểm khác**Kết quả đánh giá PBT và vPvB****PBT:** Không áp dụng.**vPvB:** Không áp dụng**PHẦN 3: Thành phần/Thông tin của các thành phần****3.2 Đặc điểm hóa học: Hỗn hợp****Mô tả:** Hỗn hợp của các chất với các chất bổ sung không nguy hiểm.**Thành phần nguy hiểm:** Không có**SVHC:** Không có**Thông tin bổ sung:** Để biết từ ngữ của các cụm từ nguy hiểm được liệt kê, hãy tham khảo Phần 16.

(Còn tiếp trên Trang 3)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 2)

PHẦN 4: Các biện pháp sơ cứu**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu****Thông tin chung:**

Đưa những người bị ảnh hưởng ra hít thở không khí trong lành.

Sau khi hít phải: Ra hít thở không khí trong lành; tham khảo ý kiến bác sĩ khi thấy khó chịu.**Sau khi tiếp xúc với da:**

Cởi bỏ ngay quần áo bị dính sản phẩm.

Sau khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt mở trong vài phút dưới vòi nước chảy. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp tục, hãy hỏi ý kiến bác sĩ.

Sau khi nuốt:

Nếu nuốt phải, hãy súc miệng và sau đó uống nhiều nước. Nếu các triệu chứng vẫn tiếp tục, hãy khám bác sĩ.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và biểu hiện chậm:

Không có thêm thông tin liên quan

4.3 Các dấu hiệu về bất kỳ sự chăm sóc y tế tức thời nào và điều trị đặc biệt cần thiết:

Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

PHẦN 5: Các biện pháp chữa cháy**5.1 Phương tiện chữa cháy****Các chất chữa cháy thích hợp:**

Sử dụng các phương pháp chữa cháy phù hợp với điều kiện xung quanh.

Vi lý do an toàn, các chất chữa cháy không phù hợp: Không có.**5.2 Các nguy cơ đặc biệt phát sinh từ hóa chất hoặc hỗn hợp:**

Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa**Thiết bị bảo vệ:** Không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.**Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn****6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp**

Không yêu cầu.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Không cho phép xuyên qua mặt đất/đất.

Không cho phép đi vào cống rãnh/nước mặt hoặc nước ngầm.

Không được phép đi vào rãnh/nước mặt hoặc nước ngầm.

Hấp thụ với vật liệu liên kết chất lỏng (cát, diatomit, chất kết dính axit, chất kết dính đa năng, mùn cưa).

6.4 Tham khảo các phần khác

Xem Phần 7 để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Phần 8 để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân.

Xem Phần 13 để biết thông tin về việc thải bỏ.

Tiêu chí hành động bảo vệ đối với hóa chất:	
PAC-1	Không ai trong số các thành phần được liệt kê
PAC-2	Không ai trong số các thành phần được liệt kê
PAC-3	Không ai trong số các thành phần được liệt kê

(Còn tiếp trên Trang 4)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 3)

PHẦN 7: Xử lý và Bảo quản**7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được tuân thủ khi xử lý hóa chất

Thông tin về bảo vệ chống cháy nổ: Không có**7.2 Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm mọi điều kiện xung khác****Kho:****Các yêu cầu phải đáp ứng đối với nhà kho và kho chứa hàng:**

Bảo quản ở điều kiện khô ráo, thoáng mát trong hộp kín.

Cung cấp máng thoát sàn không có đường thoát.

Thông tin về lưu trữ trong một cơ sở lưu trữ chung:

Không yêu cầu.

Thông tin thêm về điều kiện bảo quản:

Bảo vệ khỏi sương giá.

7.3 (Các) mục đích sử dụng cuối cùng cụ thể: Không có thêm thông tin liên quan.**PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**

Thông tin bổ sung về thiết kế cơ sở vật chất kỹ thuật: Không có thêm dữ liệu; xem Phần 7.

8.1 Các thông số kiểm soát

Các thành phần có giá trị giới hạn yêu cầu giám sát tại nơi làm việc:

Sản phẩm không chứa bất kỳ số lượng vật liệu liên quan nào có giá trị tới hạn phải được giám sát tại nơi làm việc.

34590-94-8 Dipropylene glycol monomethyl ether		
Giới hạn Phơi nhiễm cho phép (PEL)		Giá trị dài hạn: 600 mg/m ³ . 100 ppm: Da
Giới hạn Phơi nhiễm Khuyến nghị (REL)		Giá trị ngắn hạn: 900 mg/m ³ . 150 ppm: Da Giá trị dài hạn: 600 mg/m ³ . 100 ppm: Da
Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV)		Giá trị ngắn hạn: 909 mg/m ³ . 150 ppm: Da Giá trị dài hạn: 606 mg/m ³ . 100 ppm: Da
DNELs (Vương quốc Anh)		
34590-94-8 Dipropylene glycol monomethyl ether		
Da	Hệ thống DNEL. ảnh hưởng (lâu dài)	283 mg/kg KG/Tag (Công nhân)
Gây độc	Hệ thống DNEL. ảnh hưởng (lâu dài)	308 mg/m ³ (Công nhân)
PNECs (Anh)		
34590-94-8 Dipropylene glycol monomethyl ether		
PNEC (nước biển)		1.9 mg/l
PNEC (nước sạch)		19 mg/l

Thông tin bổ sung: Các danh sách hợp lệ trong quá trình tạo tài liệu được sử dụng làm cơ sở.

(Còn tiếp trên Trang 5)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 4)

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:** Không có thêm dữ liệu; xem Phần 7.**Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân****Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh chung:**

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được tuân thủ khi xử lý hóa chất.

Đảm bảo thông gió/thoát khí tốt tại nơi làm việc.

Bảo vệ đường hô hấp: Không cần thiết nếu phòng được thông gió tốt.**Bảo vệ tay:**

Găng tay bảo hộ

Vật liệu làm găng tay phải không thấm nước và chịu được sản phẩm/chất/chế phẩm.

Lựa chọn chất liệu găng tay dựa trên thời gian thâm nhập, tốc độ khuếch tán và sự suy giảm

Chất liệu của găng tay

Cao su nitrile, NBR

Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu, mà còn phụ thuộc vào các nhãn hiệu chất lượng khác nhau và khác nhau giữa các nhà sản xuất. Vì sản phẩm do hợp chất tạo thành, nên không thể tính trước điện trở của vật liệu làm găng tay và do đó phải được kiểm tra trước khi ứng dụng.

Thời gian thâm nhập của vật liệu găng tay

Thời gian xuyên thủng chính xác được xác định bằng cách sản xuất găng tay bảo hộ và phải được quan sát.

Bảo vệ mắt/mặt: Kính bảo hộ.**PHẦN 9: Tính chất vật lý và hóa học****9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

Thông tin chung	
Tình trạng thể chất:	Lỏng
Màu sắc:	Không màu, rõ ràng
Mùi:	Đặc tính
Ngưỡng của mùi hương:	Không xác định
Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy:	- 3 °C (26.6 °F)
Điểm sôi/Khoảng sôi	80 - 190 °C (176 - 374 °F)
Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không áp dụng
Giới hạn nổ dưới và trên	
Thấp hơn:	Không
Cao hơn:	Không
Điểm nổ:	Không
Nhiệt độ tự bốc cháy	Sản phẩm không tự bốc cháy.
Nhiệt độ phân hủy	Không xác định
Giá trị pH	Trung tính
Độ nhớt	
Độ nhớt động học	Không xác định
Độ nhớt động lực học	Không xác định
Khả năng hòa tan trong/Khả năng hòa trộn trong nước:	Hoàn toàn có thể trộn lẫn
Hệ số phân tán n-octanol/nước (giá trị log):	Không xác định
Áp suất hơi:	Không xác định
Mật độ ở 20 °C (68 °F) đến (DIN 51757):	1.0 +/- 0.02 g/cm ³ (8.35 +/- 0.17 lbs/gal)
Mật độ tương đối:	Không xác định
Mật độ hơi:	Không xác định

(Còn tiếp trên Trang 6)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 5)

9.2 Thông tin khác

Về bề ngoài:	
Thế:	Lỏng
Thông tin quan trọng về bảo vệ sức khỏe, môi trường và an toàn	
Đặc tính nổ:	Sản phẩm không có nguy hiểm nổ.
Thay đổi điều kiện	
Tốc độ bay hơi:	Không xác định,
Thông tin liên quan đến các loại nguy cơ vật lý	
Chất nổ	Vô hiệu
Khí dễ cháy	Vô hiệu
Bình xịt	Vô hiệu
Khí oxy hóa	Vô hiệu
Khí chịu áp lực	Vô hiệu
Chất lỏng dễ cháy	Vô hiệu
Chất rắn dễ cháy:	Vô hiệu
Các chất và hỗn hợp tự phản ứng:	Vô hiệu
Chất lỏng pyrophoric:	Vô hiệu
Chất rắn pyrophoric:	Vô hiệu
Các chất và hỗn hợp tự nhiệt	Vô hiệu
Các chất và hỗn hợp phát ra khí dễ cháy khi tiếp xúc với nước.	Vô hiệu
Chất lỏng oxy hóa:	Vô hiệu
Chất rắn oxy hóa:	Vô hiệu
Peroxit hữu cơ:	Vô hiệu
Ăn mòn kim loại:	Vô hiệu
Chất nổ giải mẫn cảm:	Vô hiệu

(Còn tiếp trên Trang 7)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 6)

PHẦN 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng**10.1 Khả năng phản ứng** Không có thêm thông tin liên quan.**10.2 Tính ổn định hóa học****Phân hủy nhiệt/các điều kiện cần tránh:**

Không bị phân hủy nếu sử dụng theo đúng thông số kỹ thuật.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết.**10.4 Các điều kiện cần tránh:** Không có thêm thông tin liên quan.**10.5 Vật liệu không tương thích:** Bảo quản tránh xa các tác nhân oxy hóa.**10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Không có**PHẦN 11: Thông tin về độc tính****11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm như được định nghĩa trong Quy định (EC) số 1272/2008****Độc tính cấp:** Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.**Giá trị LD/LC50 có liên quan đến phân loại:** Không được xác định.**Ăn mòn/kích ứng da:**

Phơi nhiễm nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.

Không có tác dụng kích ứng.

Thông tin bổ sung về chất độc:

Khả năng gây ung thư:	
IARC (Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế)	Không có thành phần nào được liệt kê
NTP (Chương trình Độc tính Quốc gia)	Không có thành phần nào được liệt kê
OSHA-Ca (Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.)	Không có thành phần nào được liệt kê

Gây đột biến tế bào gốc: Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.**Khả năng gây ung thư:** Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.**Độc tính đối với sinh sản:** Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.**Độc tính lên cơ quan mục tiêu cụ thể (STOT) - phơi nhiễm một lần:**

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính nội tạng mục tiêu cụ thể (STOT) - phơi nhiễm nhiều lần:

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Nguy cơ hít thở: Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.**11.2 Thông tin về các loại nguy hiểm****Đặc tính phá vỡ nội tiết:** Không có thành phần nào được liệt kê.

(Còn tiếp trên Trang 8)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI-07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: **DEK Pro XF**

(Còn tiếp từ Trang 7)

Phần 12: Thông tin về sinh thái**12.1 Độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.**12.2 Tính bền và khả năng phân hủy:** Không có thêm thông tin liên quan.**12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học:** Không có thêm thông tin liên quan.**12.4 Tính di động trong đất:** Không có thêm thông tin liên quan.**Thông tin sinh thái bổ sung:****Lưu ý chung:**

Mức độ nguy hiểm của nước 1 (Quy định của Đức) (Tự đánh giá): hơi nguy hiểm đối với nước.

Không để sản phẩm chưa pha loãng hoặc lượng lớn tiếp xúc với nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB**PBT:** Không áp dụng.**vPvB:** Không áp dụng.**12.6 Đặc tính gây rối loạn nội tiết:**

Sản phẩm không chứa các chất có đặc tính gây rối loạn nội tiết.

12.7 Các tác dụng phụ khác

Không

Phần 13 cân nhắc xử lý**13.1 Các phương pháp xử lý chất thải****Khuyến nghị:** Việc thải bỏ phải được thực hiện theo quy định chính thức.**(Các) bao bì không sạch:****Khuyến nghị:** Việc thải bỏ phải được thực hiện theo quy định chính thức.**Các chất làm sạch được đề xuất:** Nước, nếu cần, cùng với các chất làm sạch.**PHẦN 14: Thông tin vận tải**

14.1 Số ID của UN DOT, ADR, ADN, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.2 Tên vận chuyển thích hợp của LHQ DOT, ADR, ADN, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.3 (Các) loại nguy hiểm khi vận chuyển DOT, ADR, ADN, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.4 Nhóm đóng gói DOT, ADR, IMDG, IATA	Vô hiệu
14.5 Mối nguy môi trường: Ô nhiễm môi trường biển:	Không có. Số
14.6 Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Không
14.7 Vận tải biển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC	Không áp dụng.
Giao thông vận tải/Thông tin bổ sung:	Không nguy hiểm theo các thông số kỹ thuật trên.
"Quy chế mẫu" của LHQ:	Vô hiệu

(Còn tiếp trên Trang 9)

Bảng dữ liệu an toàn
theo OSHA - Tiêu chuẩn tiếp xúc nguy hiểm (HCS) 29 CFR 1910.1200

Ngày in: VI - 07.11.2022

Bản sửa đổi/Ngày: v2.0 - 01.10.2022

Tên thương mại: DEK Pro XF

(Còn tiếp từ Trang 8)

PHẦN 15: Thông tin quy định

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp
Không có thêm thông tin liên quan có sẵn.

SARA**Mục 313 (Danh sách hóa chất độc hại cụ thể):** Không có thành phần nào được liệt kê.**TSCA (Đạo luật kiểm soát các chất độc hại):** Tất cả các thành phần đều có giá trị - ACTIVE**Các chất ô nhiễm không khí nguy hiểm:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Đề xuất 65****Hóa chất gây ung thư:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Hóa chất được biết là gây ra độc tính sinh sản cho phụ nữ:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Hóa chất được biết là gây ra độc tính sinh sản cho nam giới:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Hóa chất được biết là gây độc cho sự phát triển:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Danh sách cần biết của New Jersey:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Danh sách chất nguy hiểm đặc biệt của New Jersey:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Danh sách những điều cần biết của Pennsylvania:** Không có thành phần nào được liệt kê.**Danh sách chất nguy hiểm đặc biệt của Pennsylvania:** Không có thành phần nào được liệt kê.

15.2 Đánh giá an toàn hóa chất: Một đánh giá an toàn hóa chất đã được thực hiện.

PHẦN 16: Thông tin khác

Thông tin này được dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này sẽ không cấu thành sự đảm bảo cho bất kỳ tính năng cụ thể nào của sản phẩm và sẽ không thiết lập một mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý.

Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008

Phương pháp tính toán

Chữ viết tắt và từ viết tắt:

ADR: Hiệp định Châu Âu về Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ

(Hiệp định Châu Âu liên quan đến việc Vận chuyển Quốc tế hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ)

IMDG: Bộ luật Hàng hải Quốc tế về Hàng hóa Nguy hiểm

IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế

GHS: Hệ thống phân loại và ghi nhãn hóa chất được hài hòa trên toàn cầu

EINECS: Bản kiểm kê của Châu Âu về các chất hóa học thương mại hiện có

ELINCS: Danh sách các chất hóa học được thông báo của Châu Âu

CAS: Dịch vụ tóm tắt hóa học (bộ phận của Hiệp hội Hóa học Hoa Kỳ)

DNEL: Mức không ảnh hưởng bất nguồn (REACH)

PNEC: Nồng độ Không Ảnh hưởng Dự đoán (REACH)

LC50: Nồng độ gây chết người (độc tính cấp tính), tối đa 50 phần trăm

EC50: Nồng độ hiệu quả (tác động có hại), tối đa 50 phần trăm

PBT: Bền bỉ, tích lũy sinh học và độc hại

SVHC: Các chất rất cần quan tâm

vPvB: rất bền bỉ và rất tích lũy sinh học

WEL: Giới hạn tiếp xúc tại nơi làm việc – chỉ dựa trên dữ liệu được xác định trong Vương quốc Anh (GB)

PEL: Giới hạn Phơi nhiễm cho phép

REL: Giới hạn Phơi nhiễm khuyến nghị

TLV: Giá trị giới hạn ngưỡng

Lịch sử sửa đổi:

v 1.0 - OSHA SDS ở định dạng OEM trước đó - Tháng 1 năm 2018

v 2.0 - Cập nhật lên mẫu SDS mới - Tháng 10 năm 2022